

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

Bản án số: 75/2021/HS-PT
Ngày: 17-9-2021

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Tỉnh

Các Thẩm phán: Ông Bùi Quang Sơn

Bà Hồ Thị Thanh Thúy

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Trung Tín – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa:

Bà Nguyễn Thị Thanh Thảo – Kiểm sát viên

Ngày 17 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 67/2021/TLPT-HS ngày 15 tháng 7 năm 2021 đối với các bị cáo Đ.V.T và L.M.T do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 54/2021/HSST ngày 09 tháng 6 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre.

Các bị cáo có kháng cáo:

1. Đ.V.T (T), sinh năm 1965 tại tỉnh Bến Tre; nơi cư trú: ấp S, xã Đ, huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre; nghề nghiệp: làm vườn; trình độ văn hóa: 7/12; giới tính: nam; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: không; con ông Đ.V.T2 (chết) và bà N.T.L (chết); vợ: H.H.T, có 03 con, lớn nhất sinh năm 1987, nhỏ nhất sinh năm 2004; tiền án: không; tiền sự: tại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số: 114/QĐXPVPHC ngày 13/3/2019 của Công an huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre đã xử phạt số tiền 1.250.000 đồng về hành vi đánh bạc trái phép, đã nộp phạt ngày 13/3/2019; nhân thân: tại Bản án hình sự số: 42/HSPT ngày 22/7/1997 của Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre đã xử phạt 09 tháng tù về “Tội tổ chức đánh bạc”, chấp hành xong hình phạt tù ngày 25/01/1998, thi hành xong phần dân sự ngày 02/5/1998; bị cáo tại ngoại; có mặt.

2. L.M.T, sinh năm 1979 tại tỉnh Bến Tre; nơi cư trú: ấp S, xã Đ, huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre; nghề nghiệp: tài xế; trình độ văn hóa: 9/12; giới tính: nam; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: không; con ông L.P.H và bà T.T.L (chết); vợ: P.T.M.C, có 02 con, lớn sinh năm 2003, nhỏ sinh năm 2014; tiền án: không; tiền sự: tại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số: 116/QĐXPVPHC ngày 13/3/2019 của Công an huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre đã xử phạt số tiền 1.250.000 đồng về hành vi đánh bạc trái phép, đã nộp phạt ngày 13/3/2019; bị cáo tại ngoại; có mặt.

Ngoài ra trong vụ án còn có các bị cáo N.V.H (H) và N.T.T nhưng không có kháng cáo và không bị kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 10 giờ 20 phút ngày 04/7/2019, N.T.T điện thoại rủ Đ.V.T đánh bạc. N.T.T điều khiển xe mô tô biển số 71C4-xxx.xx, còn Đ.V.T điều khiển xe mô tô 53S3-xxxx cả hai cùng điều khiển xe mô tô chạy đến nhà bà N.T.N ở ấp T, xã B, huyện Chợ Lách. Một lúc sau, N.V.H điều khiển xe mô tô biển số 71S4-xxxx và L.M.T điều khiển xe máy biển số 71FX-xxxx đến nhà bà N.T.N. Tại đây, Đ.V.T, N.T.T, N.V.H và L.M.T cùng nhau thống nhất đánh bài tiến lên với hình thức thắng thua bằng tiền. Để thực hiện, N.T.T nhờ P.T.H (sinh năm 1983, cư trú: ấp P, xã Đ, huyện Chợ Lách) mua dùm 02 bộ bài tây loại 52 lá. Sau khi có bài, N.T.T, Đ.V.T, N.V.H và L.M.T đánh bài tiến lên với hình thức thắng thua bằng tiền, loại bài 52 lá, ai tới nhất thắng 100.000 đồng, ai tới nhì thắng 50.000 đồng, ai tới ba thua 50.000 đồng, ai tới tư thua 100.000 đồng. Ngoài ra, còn quy ước nếu ai bị chặt hai (heo) bằng tứ quý và ba đôi thông, hai (heo) đỏ thì thua 100.000 đồng, hai (heo) đen thì thua 50.000 đồng, ai bị ngộp thua 100.000 đồng, đánh hết ván bài mới chung tiền thắng thua, trong lúc đánh bài thì số tiền dùng để đánh bài để trên bàn ngay vị trí của 04 người đánh bài. Đến khoảng 14 giờ 10 phút cùng ngày, bị Công an xã B bắt quả tang.

Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện Chợ Lách đã tạm giữ và xử lý các vật chứng như sau:

Vật chứng thu giữ tại chiếu bạc gồm: 01 bộ bài tây loại 52 lá, đã qua sử dụng; 01 bộ bài tây loại 52 lá, chưa sử dụng; Tiền Việt Nam: 6.750.000 đồng. Chuyển theo hồ sơ vụ án để xử lý.

Tạm giữ ngoài chiếu bạc, tại nhà của N.T.N gồm:

- 01 điện thoại di động hiệu SAMSUNG Galaxy A5, màu đen, số IMEI 1: 3540210884xxxxx, số IMEI 2: 3540220884xxxxx, đã qua sử dụng. Đây là tài sản của N.V.H nên Cơ quan điều tra đã giao trả cho N.V.H;

- 01 điện thoại di động hiệu NOKIA màu đen, số IMEI 1: 3569740929xxxxx, số IMEI 2: 3569740979xxxxx, đã qua sử dụng. Đây là tài sản của anh P.V.T nên Cơ quan điều tra đã giao trả cho anh P.V.T;

- 01 điện thoại di động MeiZu M3 Note, màu đen, số IMEI 1: 8628400333xxxxx, số IMEI 2: 8628400333xxxxx, đã qua sử dụng. Đây là tài sản của Đ.V.T nên Cơ quan điều tra đã giao trả cho Đ.V.T;

- 01 điện thoại di động hiệu NOKIA, màu đen, Model: TA-1017, số IMEI 1: 3528991051xxxxx, số IMEI 2: 3528991056xxxxx, đã qua sử dụng; 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại Wave, màu đỏ-đen-bạc, biển số 71C4-xxx.xx, số khung: RLHJA3901HYxxxxxx, số máy: JA39E-xxxxxxx, đã qua sử dụng. Đây là tài sản của N.T.T nên Cơ quan điều tra đã giao trả cho N.T.T;

- 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại FUTUREX, màu đỏ-bạc, biển số 71S4-xxxx, số khung: RLHJC35066Yxxxxxx, số máy: JC35E-xxxxxxx, đã qua sử dụng. Đây là tài sản của anh N.V.H nên Cơ quan điều tra đã giao trả cho anh N.V.H;

- 01 xe máy nhãn hiệu BOSS City, dáng Wave, màu đen, biển số 71FX-xxxx, số khung: RL8DCB2HY91xxxxxx, số máy: RL8139FMB-xxxxxx, đã qua sử dụng. Đây là tài sản của L.M.T nên Cơ quan điều tra đã giao trả cho L.M.T;

- 01 cái bàn bằng nhựa dài 64cm, rộng 44cm, cao 50cm, trên mặt bàn có một lớp khăn vải, phía dưới lớp khăn vải là một lớp vải sọc ngang màu đỏ trắng, hai lớp vải được quần dính vào bàn bằng băng keo trong; 03 cái ghế ngồi bằng nhựa màu đỏ, dài 40cm, rộng 30cm, cao 32cm, loại có tựa lưng; 01 cái ghế ngồi bằng nhựa màu xanh, dài 40cm, rộng 30cm, cao 32cm, loại không có tựa lưng; 01 cái ghế ngồi bằng nhựa màu xanh, dài 26cm, rộng 26cm, cao 45cm, loại không có tựa lưng. Đây là tài sản của bà N.T.N nên Cơ quan điều tra đã giao trả cho bà N.T.N;

- 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại Dream II, màu xanh-trắng, biển số 53S3-xxxx, số khung: C100MN-xxxxxxx, số máy: C100MNE-xxxxxxx, đã qua sử dụng. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Chợ Lách đã thông báo nhưng chưa tìm được chủ sở hữu, Cơ quan điều tra đang tạm giữ khi nào tìm được chủ sở hữu sẽ xử lý sau.

Theo Kết luận giám định số 246/2019/SK-SM ngày 06/9/2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bến Tre kết luận xe mô tô hai bánh biển số 53S3-xxxx:

Số khung: Trước giám định: C100MN-xxxxxxx; sau giám định: Không thay đổi số nguyên thủy.

Số máy: Trước giám định: C100MNE-xxxxxxx; sau giám định: Không thay đổi số nguyên thủy.

Theo Kết luận giám định số 49/2019/GĐĐV ngày 25/10/2019 của Phòng Kỹ

thuật hình sự Công an tỉnh Bến Tre kết luận: Dấu vân tay trên chỉ bản số 6983, lập ngày 30/7/1997 tại Bến Tre, mang tên Đ.V.T, sinh năm 1965, nơi đăng ký thường trú: ấp L, Đ, Chợ Lách, Bến Tre, ký hiệu A với dấu vân tay trên chỉ bản số 66, lập ngày 16/9/2019 tại Công an huyện Chợ Lách, mang tên Đ.V.T, sinh năm 1965, nơi cư trú ấp S, xã Đ, Chợ Lách, Bến Tre, ký hiệu M là của cùng một người.

Quá trình điều tra, Đ.V.T, L.M.T, N.V.H, N.T.T đã thừa nhận hành vi đánh bạc và thừa nhận số tiền đưa vào đánh bạc như sau:

Đ.V.T sử dụng 1.300.000 đồng để đánh bạc, để tại chiếu bạc, Công an đã tạm giữ.

L.M.T sử dụng 1.100.000 đồng để đánh bạc, để tại chiếu bạc, Công an đã tạm giữ.

N.V.H sử dụng 250.000 đồng để đánh bạc, để tại chiếu bạc, Công an đã tạm giữ.

N.T.T sử dụng 1.500.000 đồng để đánh bạc, để tại chiếu bạc, Công an đã tạm giữ.

Đ.V.T, L.M.T, N.V.H, N.T.T thừa nhận tổng số tiền sử dụng để đánh bạc là 4.150.000 đồng. Tuy nhiên, khi bắt quả tang thu giữ tại chiếu bạc số tiền là 6.750.000 đồng. Quá trình điều tra đã xác định được khi Công an xã B bắt quả tang đối với Đ.V.T, L.M.T, N.V.H, N.T.T thì gom hết số tiền tại vị trí của 04 người trên lại với nhau nên Đ.V.T, L.M.T, N.V.H, N.T.T không nhớ chính xác được số tiền sử dụng để đánh bạc nhưng cả 04 người đều thừa nhận số tiền chênh lệch 2.600.000 đồng là tiền mà họ sử dụng để đánh bạc.

Như vậy, chứng minh được số tiền Đ.V.T, L.M.T, N.V.H, N.T.T sử dụng đánh bạc tổng cộng là 6.750.000 đồng.

* Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 54/2021/HS-ST ngày 09/6/2021 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre, đã quyết định: Tuyên bố các bị cáo Đ.V.T (T) và L.M.T phạm “Tội đánh bạc”.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Đ.V.T (T) 01 (một) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù.

Áp dụng khoản 3 Điều 321, khoản 3 Điều 35 Bộ luật hình sự. Phạt bổ sung bằng tiền Đ.V.T 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo L.M.T 09 (chín) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù.

Áp dụng khoản 3 Điều 321, khoản 3 Điều 35 Bộ luật hình sự. Phạt bổ sung bằng

tiền L.M.T 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về tội danh và trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo N.V.H (H) và N.T.T, hình phạt bổ sung, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo.

Sau khi xét xử sơ thẩm, cùng ngày 17/6/2021 bị cáo Đ.V.T kháng cáo yêu cầu được hưởng án treo hoặc phạt tiền; bị cáo L.M.T kháng cáo yêu cầu được hưởng hình phạt cải tạo không giam giữ và không áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và khai nhận hành vi phạm tội phù hợp bản án sơ thẩm. Bị cáo Đ.V.T bổ sung kháng cáo yêu cầu giảm nhẹ tiền phạt bổ sung.

Quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên thể hiện như sau: Đơn kháng cáo của các bị cáo làm trong hạn luật định. Về tội danh, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử và tuyên bố bị cáo Đ.V.T và L.M.T phạm “Tội đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ và xử phạt bị cáo Đ.V.T 01 năm tù, bị cáo L.M.T 09 tháng tù và phạt bổ sung mỗi bị cáo 20.000.000 đồng xét thấy phù hợp nên không chấp nhận kháng cáo của bị cáo. Đề nghị áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Đ.V.T (Tân) 01 (một) năm tù về “Tội đánh bạc”. Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo L.M.T 09 (chín) tháng tù về “Tội đánh bạc” và phạt bổ sung mỗi bị cáo 20.000.000 đồng. Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Lời nói sau cùng, bị cáo Đ.V.T thấy hối hận yêu cầu giảm nhẹ để sửa đổi bản thân; bị cáo L.M.T cho rằng là lao động chính trong gia đình xin xem xét giảm nhẹ cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của các bị cáo gửi đến Tòa án trong thời hạn kháng cáo phù hợp với quy định tại Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, có cơ sở xác định. Vào khoảng 10 giờ 20 phút ngày 04/7/2019 tại nhà bà N.T.N ở ấp T, xã B, huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre, Đ.V.T, L.M.T, N.V.H và N.T.T đã có hành vi đánh bạc trái phép bằng hình thức đánh bài tiến lên thắng, thua bằng tiền. Tổng với số tiền dùng vào đánh bạc được thu tại chiếu bạc là 6.750.000 đồng. Với ý thức, hành vi và số tiền mà các bị cáo đã dùng vào việc

đánh bạc, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử và tuyên bố bị cáo Đ.V.T và L.M.T phạm “Tội đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ pháp luật.

[3] Xét kháng cáo của các bị cáo, thấy rằng: Tòa án cấp sơ thẩm khi áp dụng hình phạt tù đã xem xét nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự cho bị cáo như: các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; về tình tiết giảm nhẹ, các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải (theo tình tiết giảm nhẹ tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự); bị cáo L.M.T phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng (theo điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự); các bị cáo hiện nuôi con chưa thành niên, bị cáo L.M.T có thời gian phục vụ trong quân đội (theo khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự). Tòa án cấp sơ thẩm cũng đã xem về nhân thân của các bị cáo, trong đó bị cáo Đ.V.T đã từng bị xét xử về “Tội tổ chức đánh bạc”, các bị cáo đều có 01 tiền sự về hành vi đánh bạc. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Đ.V.T cho rằng có bệnh (đã nộp bệnh án) và nuôi mẹ vợ 80 tuổi (nhưng không có xác nhận của chính quyền địa phương). Bị cáo L.M.T cho rằng, bị cáo là lao động chính trong gia đình, vợ không việc làm (nội trợ), có hai con nhỏ, bị cáo vừa bị tai nạn gãy tay. Xét các tình tiết bị cáo đưa ra thuộc khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Tuy nhiên so về hình phạt giữa các bị cáo trong cùng vụ án thì bị xử phạt tù và hình phạt bổ sung có mức độ tương đương nhau và các bị cáo có tiền sự mà vẫn tiếp tục đánh bạc ăn thua bằng tiền, thể hiện việc chấp hành pháp luật không tốt nên không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo của các bị cáo mà giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm như Kiểm sát viên đề nghị là phù hợp.

[4] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm do kháng cáo không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự; không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, giữ nguyên quyết định của Bản án sơ thẩm.

Tuyên bố các bị cáo Đ.V.T, L.M.T phạm “Tội đánh bạc”.

1.1. Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo **Đ.V.T** (T) 01 (một) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành hình phạt tù.

Áp dụng khoản 3 Điều 321, khoản 3 Điều 35 Bộ luật Hình sự. Phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo Đ.V.T 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng.

1.2. Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17;

Điều 58 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo **L.M.T** 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành hình phạt tù.

Áp dụng khoản 3 Điều 321, khoản 3 Điều 35 Bộ luật Hình sự. Phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo **L.M.T** 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng.

2. Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tổ tụng hình sự; Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Các bị cáo **Đ.V.T**, **L.M.T**, mỗi bị cáo phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm về tội danh và trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo **N.V.H (H)**, **N.T.T**; hình phạt bổ sung; xử lý vật chứng và án phí không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT I - Tòa án nhân dân tối cao (1b);
- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh Bến Tre (1b);
- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre (1b);
- Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách (6b);
- VKSND huyện Chợ Lách (1b);
- Công an huyện Chợ Lách (1b);
- Chi cục THADS huyện Chợ Lách (1b);
- UBND xã S, huyện Chợ Lách (1b);
- Các bị cáo (2b);
- Phòng KTNV & THA, Tòa Hình sự, Văn phòng TAND tỉnh Bến Tre (5b);
- Lưu hồ sơ vụ án (1b).

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Văn Tỉnh